



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA NGHỆ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phân tích phim điện ảnh truyền hình 1
(Analysis of movies and television)
- Mã học phần: ...
- Số tín chỉ: 2 (a/b/c) [A: số tín chỉ của HP, a: số tín chỉ lý thuyết, b: số tín chỉ thực hành/thực tập/ đồ án/ khóa luận:, c = 2 × a: số tín chỉ tự học]
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: ...
- Đơn vị phụ trách: Khoa Nghệ thuật
- Số giờ tín chỉ: 15 tiết, trong đó:
- Lý thuyết: 15 tiết (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
- Thực hành: 0 (1 tín chỉ TH = 30 tiết)
- Thực tập: 0 (1 tín chỉ TT = 60 giờ TT tại cơ sở)
- Đồ án/ Khóa luận 0 (1 tín chỉ ĐA/KL = 45 giờ làm ĐA/KL)

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Phân tích phim điện ảnh truyền hình thường tập trung vào việc phân tích các yếu tố như kịch bản, đạo diễn, diễn xuất, hình ảnh, âm nhạc và các yếu tố khác để hiểu sâu hơn về cách tạo ra một tác phẩm điện ảnh hoặc truyền hình. Sinh viên thường

được xem các phim, bộ phim, hoặc chương trình truyền hình và phân tích chúng thông qua các góc độ như phê phán, lý luận, và thẩm mỹ.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về cách phim được sản xuất, các yếu tố tạo nên một tác phẩm điện ảnh hay truyền hình, cũng như cách những yếu tố này ảnh hưởng đến cảm xúc và ý nghĩa của người xem.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cách phân tích và hiểu sâu về các yếu tố như kịch bản, diễn xuất, hình ảnh, âm nhạc và cấu trúc tổ chức của các tác phẩm truyền hình và điện ảnh.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về cách phân tích và hiểu sâu về các yếu tố như cốt truyện, kịch bản, diễn xuất, hình ảnh, âm nhạc và các yếu tố khác ảnh hưởng đến trải nghiệm của người xem.

- Trang bị kiến thức về các yếu tố như cốt truyện, diễn xuất, kỹ thuật quay phim và âm nhạc ảnh hưởng đến trải nghiệm của người xem. Bằng cách này, bạn có thể hiểu sâu hơn về cách tạo ra các tác phẩm nghệ thuật đa phương tiện và ảnh hưởng của chúng đối với xã hội.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
Kiến thức	
CLO1	
CLO2	
Kỹ năng	
CLO3	
CLO4	
CLO5	
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CLO6	

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO1	X	X			x							
CLO2	X											
CLO3			X			x	x		x			

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO4				X								X
CLO5					X		X			X	X	
CLO6	X		X					X				

Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Chương 1	Phân tích nội dung	CLO2, CLO5
1.1	Cấu trúc cốt truyện	
1.2	Kỹ thuật hình ảnh	
1.3	Âm thanh và âm nhạc	
Chương 2	Phân tích kỹ thuật	CLO3, CLO4, CLO6
2.1	Công nghệ quay phim và hậu kỳ	
2.2	Công nghệ phát sóng và truyền phát	
2.3	Công nghệ thực tế ảo và thực tế tăng cường	
Chương 3	Phân tích ngữ cảnh và văn hóa	CLO1, CLO3
3.1	Bối cảnh lịch sử và xã hội của ngành điện ảnh và truyền hình	
3.2	Tác động của văn hóa địa phương và toàn cầu lên ngành điện ảnh và truyền hình	
3.3	Tương tác giữa công nghệ và văn hóa trong ngành điện ảnh và truyền hình	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	Bài tập cá nhân	
	Người học....	
6.2.2.	Bài tập nhóm	
	- Người học - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.	-

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	Phân tích nội dung	5					
2	Phân tích kỹ thuật	5					
3	Phân tích ngữ cảnh và văn hóa	5					
4							
5							
6							
7							
Tổng		15					

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Thảo luận về cách các nhà làm phim sử dụng các phong cách và kỹ thuật khác nhau để truyền đạt ý nghĩa và tạo cảm xúc cho khán giả. Bao gồm cả việc phân tích cách họ sử dụng ánh sáng, âm nhạc, cắt xén, và biên kịch để tạo nên hiệu ứng và trải nghiệm đặc biệt.
2. Đào sâu vào các yếu tố diễn xuất như cách diễn viên truyền đạt cảm xúc, phát triển nhân vật và tương tác với nhau. Thảo luận về tầm ảnh hưởng của việc lựa chọn diễn viên và cách họ thể hiện những vai diễn đặc biệt trong phim.
3. Nghiên cứu sâu vào các yếu tố như cốt truyện, biên kịch, và thông điệp mà phim cố gắng truyền đạt. Phân tích các yếu tố như ý nghĩa văn hóa, xã hội và chính trị được thể hiện qua phim, và cách mà chúng ảnh hưởng đến quan điểm và suy nghĩ của khán giả.

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Bài giảng lý thuyết
- Bài tập và dự án thực tế
- Phân tích và đánh giá tác phẩm
- Hội thảo và thảo luận
- Tập huấn và thực tập

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

Gợi ý:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	

10. Nhiệm vụ của sinh viên

Gợi ý:

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*

- Điểm chuyên cần: 2/10, trọng số 8%.
- Điểm kiểm tra thường xuyên: 3/10, trọng số 12%.

c. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 5/10, trọng số 20%.

2. Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%

Hình thức thi:

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản trong 05 năm trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

13.1. Tài liệu chính

- Nhiều tác giả, 1979, “Sân khấu và lịch sử”. F. Ăngghen “Thư gửi Laxan ngày 18/5/1859”. Sách nghiệp vụ, lưu hành nội bộ, Vụ Nghệ thuật.
- Nguyễn Đình Nghi, 1995, Sân khấu Việt Nam trên đường tìm về truyền thống, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật - Số 8.
- Nguyễn Đình Nghi, 1999, Kịch nói Việt Nam đến hiện đại từ truyền thống, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật - Số 3.
- Tôn Gia Ngân, 1979, Hải kịch Molière, NXB Văn học.
- Nguyễn Ngọc Phương, 2011, Đạo diễn với kịch hát dân tộc, NXB Sân Khấu Hà Nội.

13.2. Tài liệu tham khảo

- Đình Quang, 1978, Nghệ thuật biểu diễn hiện thực tâm lý, tái bản 1999, NXB Văn hóa Hà Nội.
- Đình Quang, 1983, Phương pháp sân khấu Bectôn Brếch, NXB Văn hóa Hà Nội.
- Đình Quang, 1997, Ảnh hưởng của nền sân khấu Xô Viết với sân khấu Việt Nam, Tạp chí Sân khấu - Số 9.
- Đình Quang, 2001, Về mỹ học và văn học kịch, Tuyển dịch theo các tác giả phương Tây, Viện Sân khấu.
- Đình Quang, 2005, Tuyển tập sân khấu nước ngoài, NXB Văn hóa Thể Thao.
- Hoàng Sự, 2005, Phương pháp sân khấu Stanislavski, NXB Văn học.

- Hoàng Sự, 2002, Vấn đề thi pháp kịch Chekhov – NXB Văn học.
- Hoàng Sự, 2011, Đạo diễn sáng tạo, Trường ĐH SKĐA Hà nội.
- Nguyễn Du, 2018, Truyện Kiều, Đào Duy Anh hiệu khảo, chú giải, NXB Văn học.
- Nguyễn Tất Thắng, 1997, Diện mạo sân khấu nghệ sĩ và tác phẩm, NXB Sân Khấu.
- Nguyễn Tất Thắng, 1999, Những mảnh trò hay, NXB Sân Khấu.
- Nguyễn Tất Thắng, 2000, Về thi pháp kịch, NXB Sân Khấu
- Nguyễn Tất Thắng, 2009, Lý luận kịch, NXB Sân Khấu.
- Nguyễn Đình Thi, 2008, Tiếng nói Sân Khấu, NXB Văn học.
- Nguyễn Thị Minh Thái, 1999, Sân khấu và tôi, NXB Sân khấu
- Trần Trí Trắc, 1995, Kịch nói Việt Nam với nghệ thuật sân khấu truyền thống, NXB Sân Khấu.
- Trần Trí Trắc, 1996, Thề tài sân khấu và nghệ sĩ sáng tạo, NXB Sân Khấu
- Andrew Davies (2003), Teach yourself Screenwriting
- Jean Mitry (2001), Esthétique et psychologie du cinéma, Éditions Du Cerf.
- Billy Mernit, Writing the romantic comedy, HarperResource
- Michael Haugf (2002), Writing screenplays that sell, Harper Collins
- Sheldon Hsiao – Peng Lu, Transnational Chinese cinemas, University of Hawai'i Press
- John Nguyet Erni & Siew Keng Chua, Asian media studies, Backwell
- John Hill (1986), Sex, Class and Realism, Bfi books
- Jerry Rannow (1999), Writing television comedy, Allworth Press
- Marilyn Webber (2005), Television scriptwriting the writer's road map, GGC publishing
- James Mendrinos (2004), The complete idiot's guide to comedy writing, Alpha
- Larry Brody (2003), Television writing from the inside out: Your channel to success, Applause theatre & cinema books
- Andrew Horton (2000), Laughing out loud writing the comedy-centered screenplay, University of California Press Berkeley 94720
- Stuart Voytilla and Scott Petri (2003), Writing the comedy film make 'em laugh, Michael Wiese Productions
- Gene Perret (1982), Comedy writing step by step, Samuel French
- Billy Mernit (1990), Writing the romantic comedy, Harper Collins

TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm

Hiệu trưởng
Duyệt

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)